TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2023/DS-ST Ngày 16/02/2023 *V/v "TrA chấp đòi nợ tiền".*	

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bà Nguyễn Thị Sương

2. Bà Chế Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về "*TrA chấp kiện đòi nợ tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 26.12.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST- DS ngày 17.01.2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 224 Hùng Vương, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- Bị đơn: A Lê Sỹ Tuấn A, sinh năm 1990;

HKTT: Thôn 1, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Nơi công tác và nơi ở hiện nay: Phòng điều tra ma túy, 33 Tạ Quang Bửu, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Đinh Nguyễn Thu Hường, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 224 Hùng Vương, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 20/11/2021, tôi có cho A Lê Sỹ Tuấn A mượn số tiền là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng).* Tôi đã chuyển vào số tài khoản của A Lê Sỹ Tuấn A qua Ngân hàng. Tôi đã nhiều lần gọi điện hỏi A Lê

Sỹ Tuấn A trả lại cho tôi số tiền nêu trên nhưng đến nay A Lê Sỹ Tuấn A vẫn chưa trả. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc A Lê Sỹ Tuấn A phải trả cho tôi số tiền 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất. Thời hạn trả 01 lần kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực. Về án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn phải chịu.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn A Lê Sỹ Tuấn A trình bày: Tôi công nhận vào ngày 20/11/2021 bà Nguyễn Thị L có chuyển khoản cho tôi mượn số tiền 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng*) để sử dụng vào việc kinh doA và chi tiêu gia đình cho đến nay tôi chưa trả được. Nay bà L khởi kiện yêu cầu tôi phải trả thì tôi đồng ý trả cho bà L số tiền nói trên, thời hạn trả hai tháng kể từ ngày bản án hoặc Quyết định có hiệu lực tôi không yêu cầu chị Đinh Nguyễn Thu Hường phải liên đới trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Nguyễn Thu Hường trình bày: Về số tiền 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng*) là do A Lê Sỹ Tuấn A mượn riêng để kinh doA không phải nợ chung nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc A Lê Sỹ Tuấn A phải trả cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: TrA chấp dân sự giữa bà Nguyễn Thị L và A Lê Sỹ Tuấn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ L tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 17.01.2023 và tại phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn A Lê Sỹ Tuấn A, nhưng A Lê Sỹ Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ L tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt A Lê Sỹ Tuấn A .

[2].Về nội dung trA chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị L cung cấp trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Về khoản tiền nợ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã xuất trình cho Tòa án 01 chứng từ giao dịch của Ngân hàng AGRIBANK ngày 20/10/2021, trích yếu nội dung như sau:

Người phát lệnh: Nguyễn Thị L; Địa chỉ: 224 Hùng Vương, TT Đăk Hà

Khách hàng thụ hưởng: LE SY TUAN A

Số Tài khoản: 62510004220363
Số tiền giao dịch: 180.000.000 đ (Một trăm tám mươi triệu đồng)

Sau khi cho mượn bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần yêu cầu A Lê Sỹ Tuấn A trả lại số tiền đã mượn. A Lê Sỹ Tuấn A thừa nhận có mượn số tiền nêu trên là đúng, tuy nhiên A cho rằng đây là số tiền A mượn của bà L đã sử dụng chi tiêu hết cho gia đình nên A chưa có khả năng trả ngay cho bà L.

Tại phiên hòa giải ngày 21/12/2022 A Lê Sỹ Tuấn A công nhận vào ngày 20/11/2021 bà Nguyễn Thị L có chuyển khoản cho A mượn số tiền 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng*) để sử dụng vào việc kinh doA và chi tiêu gia đình cho đến nay A chưa trả được. Bà L khởi kiện, A đồng ý trả cho bà L số tiền nói trên và không yêu cầu chị Đinh Nguyễn Thu Hường liên đới phải trả. Tuy nhiên ngày 23/01/2023 A có đơn xin thay đổi ý kiến đề nghị sửa đổi thời hạn trả tiền (hai tháng) kể từ ngày hòa giải nhưng không được bà L đồng ý do đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp L.

Xét thấy, việc vay mượn giữa hai bên là tự nguyện, hai bên đều xác nhận số tiền mượn là phù hợp với chứng cứ bà L xuất trình. Về thời hạn vay mượn hai bên chỉ trao đổi bằng miệng chứ không thể hiện bằng văn bản, không xác định thời hạn vay và trả nợ, nên đây được xem là hợp đồng vay không có thời hạn.

Xét giao dịch của các bên đương sự đều có đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thoả thuận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp phù hợp theo quy định của pháp L. Do hợp đồng không xác định thời hạn nên bà L có quyền yêu cầu A Lê Sỹ Tuấn A phải trả nợ, bà L đã thông báo cho A Lê Sỹ Tuấn A đòi nợ nhiều lần là hợp lý. Tuy nhiên A Lê Sỹ Tuấn A không trả nợ theo thông báo của bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện là có căn cứ. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc A Lê Sỹ Tuấn A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 280, 463, 466, 469 Bộ L Dân sự. Về tiền lãi suất: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 147 Bộ L tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí DS sơ thẩm là 9.000.000 đồng A Lê Sỹ Tuấn A phải chịu; Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 469 Bộ L Dân sự; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ L Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ L tố tụng dân sự, điểm b, khoản 1 Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2022 của bà Nguyễn Thị L đối với A Lê Sỹ Tuấn A về việc "*TrA chấp đòi nợ tiền*".

- Buộc A Lê Sỹ Tuấn A phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ là **180.000.000 đồng** *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ L dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: A Lê Sỹ Tuấn A phải chịu 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*); Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 4.500.000 đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000865 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 L Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Bá Nghiên